

Số: 02/2025/QĐST-LĐ

TP. Thái Bình, ngày 08 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lý.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 32/2024/TLST-VLĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 30/2024/QĐ-MPH ngày 25 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn T1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh T2.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH H (tên cũ là Công ty TNHH M). Địa chỉ: Lô A1+A2+A3+A4+A5+A9+A11, khu công nghiệp P, phường P1, thành phố T2, T2. Người đại diện theo pháp luật: Ông Z – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông D – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thị H1 – Chức vụ: Trưởng phòng nhân sự.

2.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh T2; Địa chỉ: Số 07, đường L, phường L1, thành phố T2, tỉnh T2. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T3 - Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T2.

2.3. Chị Phạm Thị T4, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T5, xã N, huyện K, tỉnh T2; Chỗ ở: Thôn N1, xã Đ2, thành phố T2, tỉnh T2.

(Những người tham gia tố tụng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai người yêu cầu, chị Phạm Thị T trình bày:* Từ tháng 7/2008 đến tháng 7/2010, chị Phạm Thị T ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M (sau đây viết tắt là Công ty). Do không hiểu biết pháp luật nên khi ký hợp đồng lao động với Công ty chị T đã mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của chị Phạm Thị T4 để ký hợp đồng. Mặc dù trên thực tế chị T là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng trên hợp đồng lao động giữa chị T và Công ty, người lao động tên là Phạm Thị T4 và Sổ bảo hiểm xã hội của chị T đóng thời gian này mang tên Phạm Thị T4, số sổ bảo hiểm xã hội 3409002282. Đến hết tháng 7/2010 chị T nghỉ việc tại Công ty. Chị T được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo Quyết định số 455/QĐ-BHXH ngày 12/9/2011 của Bảo hiểm xã hội huyện K, tỉnh T2 và chế độ BHTN theo Quyết định số 2147/QĐ/SLĐTBXH ngày 16/11/2010 của Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh T2 số tiền là 3.409.836 đồng bằng tên của chị T4. Nay, chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Phạm Thị T4 (do chị Phạm Thị T ký) và Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 7/2010 là vô hiệu do có sự lừa dối khi ký hợp đồng và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị T không còn lưu giữ Hợp đồng lao động nêu trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH M trình bày:* Tại thời điểm tháng 7/2008 đến tháng 7/2010 Công ty TNHH M có ký kết Hợp đồng lao động với chị Phạm Thị T4, do hiện nay người lao động đã nghỉ việc tại công ty trên 10 năm, đã vượt quá quy định về thời gian lưu giữ hồ sơ nên hiện tại phía công ty không còn lưu trữ Hợp đồng lao động của công nhân trên để cung cấp cho Tòa án. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng lao động cả 02 bên đều thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật. Việc chị T mượn giấy tờ nhân thân của chị T4 để ký kết hợp đồng lao động với Công ty, công ty không biết. Đối với yêu cầu của chị T, Công ty đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội tỉnh T2 trình bày:* Tại Bảo hiểm xã hội tỉnh T2 có thông tin như sau: Chị Phạm Thị T4, sinh ngày 10/5/1986 Mã số BHXH: 3409002282 có thời gian BHXH, BHYT từ tháng 7/2008 đến tháng 7/2010 là 02 năm 01 tháng và đóng BHTN từ tháng 01/2009 đến tháng 7/2010 là 01 năm 07 tháng tại Công ty TNHH M do Bảo hiểm xã hội tỉnh T2 quản lý thu. Tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN đã đóng là 2.334.150 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 1.638.000 đồng, người lao động đóng 696.150 đồng. Chị Phạm Thị T4 đã hưởng chế độ BHXH một lần theo

Quyết định số 455/QĐ-BHXH ngày 12/9/2011 của Bảo hiểm xã hội huyện K, tỉnh T2 và chế độ BHTN theo Quyết định số 2147/QĐ/SLĐTBXH ngày 16/11/2010 của Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh T2 trên sổ Bảo hiểm xã hội 3409002282 sau khi chấm dứt Hợp đồng lao động tại Công ty TNHH M. Đối với yêu cầu của chị T, BHXH tỉnh Thái Bình đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với Hợp đồng lao động kí kết giữa chị Phạm Thị T4 (do chị Phạm Thị T kí) với Công ty TNHH M, hiện nay Bảo hiểm xã hội tỉnh T2 không còn lưu giữ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Phạm Thị T4 trình bày:* Tháng 7/2008, chị Phạm Thị T4 có cho chị Phạm Thị T mượn giấy chứng minh nhân dân để chị T ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M, đến tháng 7/2010 thì chị T nghỉ việc tại công ty. Chị T4 chưa làm việc tại Công ty TNHH M bất cứ thời gian nào. Từ tháng 12/2003 đến tháng 6/2017 chị T4 mượn giấy chứng minh nhân dân của chị Hoàng Thị T6 để kí kết hợp đồng lao động làm công nhân may tại xí nghiệp may T7 – Tổng công ty may 10, số sổ bảo hiểm xã hội 2606002840 của chị T4 mang tên Hoàng Thị T6. Theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-LĐ ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa xí nghiệp may T7 – Tổng công ty may 10 và chị Hoàng Thị T6 (do chị Phạm Thị T4 kí) vô hiệu và điều chỉnh thông tin nhân thân của sổ bảo hiểm xã hội số 2606002840 từ Hoàng Thị T6 sang Phạm Thị T4. Tuy nhiên, chị T4 chưa thực hiện được việc điều chỉnh thông tin nhân thân nên trên do vẫn còn một sổ bảo hiểm xã hội mang tên chị tại Công ty TNHH M (thực tế người lao động là chị T). Vì vậy, chị T4 đồng ý đối với yêu cầu của chị T về việc đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị Phạm Thị T mang tên Phạm Thị T4 và Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 7/2010 là vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các chị. Việc chị T đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, số tiền là 3.409.836 đồng bằng tên của chị T4 sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty TNHH M, chị không yêu cầu chị T trả lại số tiền này cho chị vì người lao động thực tế tại Công ty TNHH M là chị T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:* Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào các Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M và chị

Phạm Thị T4 (do chị Phạm Thị T ký) trong thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 7/2010 là vô hiệu, điều chỉnh tên Phạm Thị T4 trên sổ Bảo hiểm xã hội số 3409002282 thành Phạm Thị T. Chị T và chị T4 có quyền liên hệ với BHXH tỉnh T2 để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Phạm Thị T4 thành Phạm Thị T. Chị T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH M có địa chỉ tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét thấy việc chị Phạm Thị T mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của chị Phạm Thị T4 để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Phạm Thị T là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận, tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M và chị Phạm Thị T4 (do chị Phạm Thị T ký) trong thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 7/2010 là vô hiệu.

[3] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa chị Phạm Thị T (Hồ sơ mượn tên chị Phạm Thị T4) với Công ty TNHH M nhưng trên thực tế chị T có làm việc tại Công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm cho chị T (mang tên chị T4, số sổ bảo hiểm là 3409002282). Do vậy cần điều chỉnh tên Phạm Thị T4 trên sổ Bảo hiểm xã hội số 3409002282 thành Phạm Thị T. Chị Phạm Thị T và chị Phạm Thị T4 có quyền liên hệ với BHXH tỉnh Thái Bình để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Phạm Thị T4 thành Phạm Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T: Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH H) và chị Phạm Thị T4 (do chị Phạm Thị T ký) trong thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 7/2010 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số BHXH số 3409002282 từ Phạm Thị T4, sinh ngày 10/5/1986 thành Phạm Thị T, sinh ngày 01/6/1992, CCCD số 034192006360 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/9/2021. Chị Phạm Thị T và chị Phạm Thị T4 có quyền liên hệ với BHXH tỉnh T2 để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Phạm Thị T4 thành Phạm Thị T.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000806 ngày 06/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị T4, Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình, Công ty TNHH H có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định này.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Lý

